



Bài báo nghiên cứu KHAI THÁC YẾU TỐ PHẢN XẠ TRONG PHƯƠNG PHÁP CALLAN ĐỂ DẠY TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Võ Châu Loan

Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Võ Châu Loan – Email: vcloan@sgu.edu.vn

Ngày nhận bài: 15-3-2022; ngày nhận bài sửa: 24-4-2022; ngày duyệt đăng: 30-5-2022

TÓM TẮT

Phương pháp Callan của Robin Callan được giới thiệu vào năm 1960 đã được sử dụng để dạy tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha ở nước Anh và một số nước trên thế giới. Tại Việt Nam, phương pháp này cũng được dùng để dạy tiếng Anh và tiếng Nhật dưới tên gọi là phương pháp Phản xạ (The Reflex Method) hay phương pháp Phản xạ Callan (The Callan Reflex Method) thu hút khá nhiều học viên tham dự. Bài viết nghiên cứu lí thuyết của phương pháp Callan đi từ phương pháp Trực tiếp (The Direct Method), kết hợp kĩ thuật lớp học của phương pháp Berlitz, và yếu tố tâm lí học hành vi của B. F. Skinner trong phương pháp Nghe nói (The Audiolingualism), cùng đặc điểm và quy trình giảng dạy, các yếu tố tạo phản xạ cho người học của phương pháp này, từ đó đề xuất hướng dạy tiếng Việt theo phương pháp Callan nhằm tạo phản xạ cho người học tiếng Việt như một ngoại ngữ.

Từ khóa: phản xạ; phương pháp Callan; tiếng Việt cho người nước ngoài

1. Giới thiệu

Việt Nam bắt đầu gia nhập các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới từ những năm 90 của thế kỉ XX. Đến nay, với khoảng 100 triệu dân, Việt Nam là thị trường thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài ở khắp các châu lục. Họ đến du lịch, nghiên cứu, học tập, làm việc và sinh sống ở Việt Nam ngày càng nhiều; vì vậy, vấn đề dạy tiếng Việt cho người nước ngoài ngày càng được quan tâm. Việc lựa chọn phương pháp dạy tiếng Việt phù hợp, linh hoạt, hấp dẫn, hiệu quả và đáp ứng được nhu cầu quốc tế được đặt lên hàng đầu. Bài viết nghiên cứu một số vấn đề về lí thuyết của phương pháp Callan, từ đó đưa ra cách thức tổ chức giảng dạy phương pháp Callan trong lớp học tiếng Việt. Tuy không phải là phương pháp mới nhưng với những giá trị cốt lõi đặc thù hướng tới tạo phản xạ trong giao tiếp, nếu có những điều chỉnh thích hợp với bối cảnh dạy học tiếng Việt, phương pháp Callan có thể góp thêm một hướng giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ cho người nước ngoài ở Việt Nam hiện nay.

Cite this article as: Vo Chau Loan (2022). Exploiting the reflex elements in Callan method to teach Vietnamese to foreign learners. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(5), 721-733.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Cơ sở lý thuyết của Phương pháp Callan

2.1.1. Khái niệm phản xạ

Decartes định nghĩa phản xạ là “những đường truyền thần kinh kết nối các kích thích (stimulus) và đáp trả (response)”. (Woody, 1989, p.39)

Từ điển Webster's New World (1996) định nghĩa phản xạ là “bất kì đáp trả nào nhanh chóng, tự động và có tính thói quen”.

Theo Pavlov, “cơ chế cơ bản nền tảng để hình thành phản xạ có điều kiện (conditioned reflex) là sự gặp gỡ, sự trùng hợp của kích thích của một trung tâm xác định ở vỏ não với kích thích mạnh mẽ hơn của một trung tâm khác, có lẽ cũng ở vỏ não, do đó sớm hay muộn, một đường dẫn được hình thành giữa hai điểm này, tức là có một kết nối được tạo ra” (Datla, 2012, p.126).

Phản xạ có điều kiện của Pavlov là đóng góp lớn của Pavlov cho lĩnh vực tâm lý học. Thí nghiệm về phản xạ tiết nước bọt của chú chó cho thấy rằng phản xạ được học là phản xạ tiết nước bọt khi chỉ nghe tiếng chuông rung là phản xạ có điều kiện và được tóm tắt bằng sơ đồ sau:

Thức ăn (US) → Chảy nước miếng (UR)

Thức ăn (US) + Tiếng chuông (NS) → Chảy nước miếng (UR)

Tiếng chuông (CS) → Chảy nước miếng (CR)

Trong đó US là kích thích không điều kiện. UR là phản xạ không điều kiện. NS là tác nhân trung tính. CS là kích thích có điều kiện. CR là phản xạ có điều kiện. Lĩnh hội CR diễn ra từ từ. Cường độ của CR tùy thuộc vào độ dài và tần suất của những đường truyền cặp đôi (CS - US) (Datla, 2012, p.125).

Từ công trình của Pavlov, John B. Watson áp dụng thuyết phản xạ có điều kiện lên hành vi của con người và đề xuất rằng quá trình học của con người có thể được giải thích thông qua phản xạ có điều kiện. Ông đã chứng minh phản xạ có điều kiện ở cậu bé 18 tháng tuổi tên là Albert và được tóm tắt như sau:

Tiếng ồn (US) → Lo lắng (UR)

Tiếng ồn (US) + Rat (NS) → Lo lắng (UR)

Rat (CS) → Lo lắng (CR) (Datla, 2012, p.126)

Phản xạ ngày nay được ứng dụng khá nhiều trong các lĩnh vực của đời sống như y học, kinh tế, xã hội, giáo dục... Trong giáo dục, nhất là trong dạy và học ngoại ngữ, từ lý thuyết phản xạ của Pavlov, B. F. Skinner đã nghiên cứu trong hành vi lời nói của con người, và đến Robin Callan đã sử dụng lý thuyết phản xạ để tạo ra phương pháp Callan.

2.1.2. Các phương pháp nền

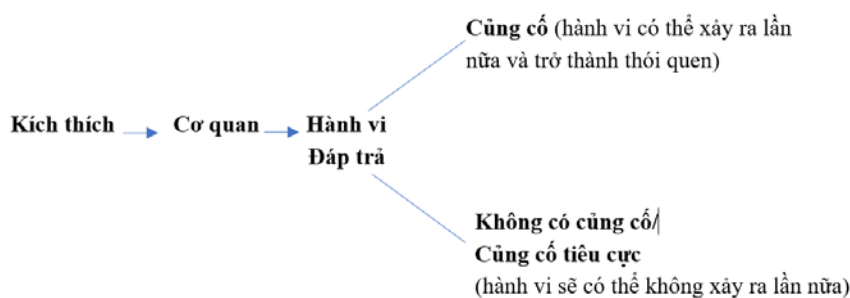
Phương pháp Callan của Robin Callan dựa trên nền tảng chung của phương pháp Trực tiếp, kết hợp sử dụng kỹ thuật lớp học của phương pháp Berlitz, và yếu tố tâm lý học hành vi của B. F. Skinner trong phương pháp Nghe nói.

Ở phương pháp Trực tiếp, nói chung, phương châm của phương pháp này là dạy ngoại ngữ chứ không phải dạy về ngôn ngữ. Về hình thức, phương pháp bao gồm hàng loạt độc thoại của giáo viên xen lẫn những câu hỏi đáp giữa giáo viên và học viên bằng ngôn ngữ đích. Nhiều ngôn ngữ điệu bộ đi kèm lời nói. Nhờ sự trợ giúp của điệu bộ, nhờ tập trung lắng nghe và lặp lại nhiều, người học liên hệ được hành động và vật thể với âm thanh và cuối cùng nói được những từ, cụm từ, câu bằng ngôn ngữ đích. Khi đã quen với các từ được nói thì giáo viên mới cho học viên thấy được ngôn ngữ ở dạng viết. (Cole, 1931, p.58)

Từ những tiền đề chung về lý thuyết của phương pháp Berlitz, phương pháp Trực tiếp trở nên khả dụng hơn nhờ vào những kỹ thuật triển khai cụ thể trong lớp học của phương pháp này. Đó là những kỹ thuật lớp học mà Titone (1968) đã đúc kết như sau:

Không dịch mà hãy biểu diễn bằng động tác, không giải thích mà hãy hành động, không diễn thuyết mà hãy đặt câu hỏi, không lặp lại lỗi sai mà hãy sửa lỗi, không nói những từ rời rạc mà hãy dùng câu hoàn chỉnh, không nói quá nhiều mà hãy để cho học viên nói thật nhiều, không dùng sách mà hãy dùng giáo án, đừng bỏ bớt mà hãy theo giáo án, đừng đi quá nhanh mà hãy giữ tốc độ của người học, đừng nói quá chậm mà hãy nói bình thường, đừng nói quá nhanh mà hãy nói tự nhiên, đừng nói quá lớn mà hãy nói tự nhiên, và đừng mất kiên nhẫn: hãy thoải mái, dễ chịu. (Titone, 1968, p.100-101)

Ở phương pháp Nghe nói: Thuyết hành vi cho rằng hành vi con người phụ thuộc vào ba yếu tố cơ bản trong quá trình học là kích thích (stimulus), có vai trò thu nhận hành vi; đáp trả (response), được gây ra nhờ kích thích; và củng cố (reinforcement), có vai trò cho biết đáp trả có phù hợp hay không phù hợp và khuyến khích lặp lại đáp trả cho những lần tiếp theo. Cơ chế này được thể hiện bằng sơ đồ (Hình 1) dưới đây.



Nguồn: (Richards, 2001, p.57)

Hình 1. Cơ chế của thuyết hành vi trong việc học ngoại ngữ

Trong đó, kích thích là cái được dạy hoặc giảng giải về ngôn ngữ. Đáp trả là phản ứng của học viên đối với kích thích. Củng cố là sự đồng ý thể hiện ra bên ngoài hoặc qua lời khen của giáo viên hay bạn bè, hoặc là sự tự thỏa mãn bên trong của học viên khi thấy mình dùng được ngôn ngữ đích. (Richards, 2001, p.56)

Skinner cho rằng khi kích thích bằng lời xảy ra liên tục thì nó luôn bị kiểm soát bởi 3 yếu tố là kích thích với chức năng là kích thích có điều kiện từ người nói, làm người nghe phản ứng lại theo kiểu phản xạ có điều kiện của Pavlov và được củng cố có điều kiện. Song, phản xạ của Pavlov chỉ là phản xạ chảy nước bọt (của chó) nên không quan trọng đối với hành vi của con người. Nhưng đối với đáp trả mang yếu tố tâm lí, tình cảm thì tương tự như thế và là lĩnh vực quan trọng. Hành vi lời nói của người phát ngôn luôn cùng với kích thích có điều kiện hoặc không điều kiện liên quan đến sự phản ứng về mặt tâm lí. Vì vậy, với một người sợ rấn, nếu nói từ *rấn* và đôi khi có rấn thật kèm theo, thì chỉ một mình kích thích lời nói này sẽ tạo ra một phản ứng xúc cảm theo những quy tắc phản xạ có điều kiện của Pavlov. Trong trường hợp mạnh nhất xảy ra thì đáp trả không được thực hiện chỉ vì sự tác động lên xúc cảm của người nghe. (Skinner, 1948, p.115-116)

Liên hệ đến phương pháp Callan, do câu hỏi đóng vai trò như là tác nhân kích thích quan trọng thu hút hồi đáp từ người học nên giáo viên cần chú ý đến câu hỏi, bằng cách dùng những câu hỏi ngắn, được phát âm rõ ràng, dễ hiểu để người nghe dường như không cảm thấy khó khăn trong tiếp nhận để hiểu và trả lời nó. Tuy nhiên, ngôn ngữ bằng lời cần được cộng hưởng cùng với động tác để hiện thực hóa về nghĩa, cùng tạo thành tác nhân kích thích thúc đẩy quá trình bật ra đáp trả bằng lời một cách mau mắn, nhanh nhẹn. Như vậy, cùng với câu hỏi là cử chỉ, điệu bộ, động tác của người dạy để tạo nên kích thích tương hỗ vừa bằng lời vừa bằng hành động, giúp người học thu nhận tín hiệu nhanh chóng và dễ dàng bật ra câu trả lời.

Khi phải nghe quá lâu những kích thích bằng lời thì người học sẽ mệt mỏi, vì thế sẽ không thể phản hồi nhanh như lúc đầu. Do đó, cần thay đổi hoạt động để người học có thời gian thư giãn và “tái tạo” sự tập trung. Hoạt động nhẹ nhàng nhất là đọc vì việc này hầu như không cần sự vận động nào của cơ bắp. Lúc này kích thích bằng lời được thay thế bằng kích thích do con chữ tạo ra và tạo ra phản xạ có điều kiện. Bởi trước đó, con chữ đã được nghe, được gán với vật thể hay được biểu tượng hóa thành động tác, nên giờ đây, khi đọc và nhìn lại con chữ đó thì người học sẽ có hành vi hướng về điếm có vật thể đó. “Điều này xảy ra mà không phải qua bất kì quá trình trung gian nào về tư duy do những quy luật bình thường của các phản xạ có điều kiện, bởi vì từ này đã được liên hệ với vật thể ấy rồi” (Skinner, 1948, p.117).

Ngoài ra, thuyết hành vi coi việc dạy ngoại ngữ cơ bản là quá trình hình thành thói quen mang tính cơ chế. Thói quen tốt được hình thành nhờ đưa ra được câu trả lời hay đáp trả đúng hơn là phạm lỗi. Bằng cách nhớ các bài hội thoại và thực hiện nhiều bài tập lặp lại

thì tần suất mắc lỗi được giảm tối đa. Ngôn ngữ là hành vi lời nói, tức là sự sản sinh tự động và hiểu các phát ngôn, và vì thế có thể được học bằng cách khiến học viên làm giống như thế. Tinh thông một ngoại ngữ đòi hỏi phải có sự thiết lập được nhiều chuỗi kích thích – hồi đáp hợp lí (Richard, 2001, p.56). Như vậy, không chỉ có giáo viên tập trung mà còn phải giữ cho người nghe tập trung. Có như vậy thì kích thích – đáp trả mới diễn ra liên tục không bị xao nhãng ngắt quãng, từ đó củng cố thành chuỗi phản xạ kích thích – hồi đáp liên tục cho người học.

2.2. Đặc điểm của Phương pháp Callan

2.2.1. Đặc điểm

Trước hết, chủ trương “không dịch” trong lớp là một trong những trọng tâm của phương pháp Callan. Giáo viên hướng dẫn học viên nói liên tục bằng cách đặt câu hỏi cho họ trả lời với tốc độ khá nhanh để học viên không có thời gian kịp chuyển ngữ bất cứ điều gì ra tiếng mẹ đẻ của mình, nhằm hướng họ luôn suy nghĩ trực tiếp bằng ngôn ngữ đích.

Toàn bộ nghĩa của từ cụ thể được làm sáng tỏ thông qua tranh ảnh minh họa, kết hợp động tác, điệu bộ của người dạy hoặc liên tưởng thực tế qua ví dụ bằng lời. Chuẩn bị hình ảnh minh họa để hỗ trợ giảng giải nghĩa của từ. Động tác tay luôn được giáo viên vừa nói vừa làm khá linh hoạt để cụ thể hóa nghĩa, giúp người học dễ tiếp thu. Đối với các từ trừu tượng khó diễn tả trực tiếp thì giáo viên diễn tả bằng sự gợi mở, đặt chúng vào tình huống và đặt câu hỏi “đắt” với mục đích hỏi để tìm kiếm câu trả lời chứ không phải để tìm kiếm thông tin. Những câu hỏi này đã được soạn sẵn cho giáo viên, ngay trong giáo trình, nên giáo viên nào cũng có thể thực hiện một cách dễ dàng.

Phương pháp Callan tận dụng tối đa giáo viên là người bản ngữ, tạo điều kiện cho người học nghe và lặp lại với phát âm chuẩn và ngữ điệu tự nhiên. Việc nói chủ yếu ở cấp độ câu hoàn chỉnh, thường không nói một từ hoặc ngữ thiếu chủ - vị. Hỏi và đáp tạo thành chuỗi các câu nói, tạo thành mạch giao tiếp giữa người dạy và người học. Mỗi câu hỏi thường được giáo viên lặp lại hai lần đảm bảo người học có cơ hội nghe hiểu nội dung câu hỏi để có thể đưa lời đáp nhanh chóng, và câu đáp thì không cần lặp lại hai lần.

Giáo viên có thể “gợi giúp” mở đầu câu trả lời để tạo “đà” cho học viên trả lời nhanh nhẹn hơn, không bị bận tâm nghĩ nhiều về ngữ pháp hay vướng vào việc dịch sang tiếng mẹ đẻ. Cụ thể là khi kết thúc câu hỏi thì giáo viên gợi mở ngay những từ đầu tiên trong câu trả lời để học viên có đà bật ra câu trả lời.

Đối với câu trả lời “Có/Dạ có” cũng như câu trả lời bắt đầu bằng từ hỏi, thì khi trả lời, học viên tập lặp lại toàn bộ câu và thêm vào thông tin trả lời, và không trả lời “vấn tất” bằng những câu không hoàn chỉnh. Đối với câu trả lời “Không/Dạ không” người học phủ định toàn bộ thông tin trong câu hỏi trước, rồi mới đưa câu trả lời. Câu trả lời đầy đủ, theo Callan, là nhằm giúp học viên nói được nhiều, nhất là học viên ở trình độ mới học, trình độ sơ cấp với vốn ngoại ngữ đích chưa dồi dào.

Khi học viên trả lời, giáo viên nghe và sửa tương đối nhanh lỗi về phát âm, ngữ điệu, dùng từ, ngữ pháp, để tập cho họ “nghe đúng nói đúng” và rút kinh nghiệm từ những lỗi này.

Điểm đặc biệt trong phương pháp này là tốc độ nói nhanh hơn so với tốc độ thông thường trong dạy tiếng, vì theo Callan, trên thực tế mọi người cũng nói nhanh nên phải học và nghe với tốc độ nhanh như vậy; có như vậy thì khi giao tiếp thực tế mới có thể nghe và nói được với tốc độ tự nhiên. Hơn nữa, nói nhanh để người học không có thời gian dịch, mà bật ra một cách phản xạ (Callan, 2012, p.3). Dù rằng phương pháp Berlitz chủ trương nói ở một tốc độ bình thường, tự nhiên, phương pháp Callan đã điều chỉnh lại ở điểm này. Để đảm bảo âm lượng khi nói được tự nhiên, không nói quá lớn, Phương pháp Callan chủ trương sắp xếp cho học viên ngồi rất gần giáo viên trong lớp học có diện tích nhỏ, có thể chứa khoảng 10-12 người, nhưng lí tưởng là từ 5-7 người.

Ngữ pháp trong phương pháp Callan được học theo kiểu diễn dịch. Cách sử dụng các điểm ngữ pháp được công thức hóa và được giải thích trước bằng ngôn ngữ đích. Sau đó giáo viên sẽ ứng dụng vào các ví dụ và luyện nói cho học viên sử dụng các điểm ngữ pháp này. Toàn bộ được trình bày cặn kẽ và in đậm trong giáo trình và không cần viết lên bảng, vì theo Callan là để tiết kiệm thời gian.

Nội dung giảng dạy chủ yếu là từ vựng, ngữ pháp và đặt câu có từ vựng, ngữ pháp vừa học. Người dạy và người học tương tác với nhau rất nhiều, người dạy luôn là người hỏi, đóng vai trò dường như là trung tâm, và người học luôn là người trả lời. Kỹ năng nghe được học qua nghe trực tiếp từ giáo viên, không dùng băng nghe tại lớp. Kỹ năng đọc là học viên tập đọc một đoạn cho sẵn trong giáo trình và giáo viên sửa lỗi phát âm nhẹ nhàng cho họ. Kỹ năng viết diễn ra ngay tại lớp thông qua bài viết chính tả, giáo viên đọc chính tả và cả lớp ghi lại, rồi tự sửa ở nhà vì bài chính tả có trong giáo trình. Cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong Phương pháp Callan đều được dạy ngay từ đầu nhưng kỹ năng nói dường như được chú trọng nhiều hơn kỹ năng đọc và viết. Một bài học của Callan thường kéo dài 50 phút, trong đó 35 phút dành cho kỹ năng nói, 10 phút cho tập đọc một đoạn văn nhỏ, và 5 phút để viết chính tả ngắn. Callan cho rằng đọc và viết là ôn lại những gì đã được nói được nghe, theo đúng quy trình từ nói, đến nghe, đến thấy, và viết chúng xuống vở. Đọc cũng là lúc học viên nói, viết là lúc nghe giáo viên nói, cho nên 50 phút của Callan là 50 phút hoàn toàn nói chứ không im lặng.

Dù là hướng tới thực hành giao tiếp nhiều nhưng Callan không khuyến khích nói chuyện phiếm một cách tự do. Hoạt động bắt cặp hay làm việc nhóm không diễn ra trong lớp vì Callan cho rằng làm như thế chỉ một số học viên được nói, và học viên chỉ nói về kiến thức mà mình đã biết một cách không kiểm soát, hơn nữa giáo viên cũng không thể sửa lỗi cho học viên một cách đầy đủ.

Một đặc điểm quan trọng nữa của phương pháp Callan là sự lặp lại và ôn lại. Callan cho rằng đối với tiếng mẹ đẻ, chỉ cần đọc hoặc nghe từ mới một hai lần là có thể nhớ và sử

dụng được nó. Song, đối với một ngoại ngữ, mọi thứ phải được nghe, thấy, dùng từ và cấu trúc ngữ pháp thật nhiều lần thì mới hiểu rõ chúng được. Lặp lại cũng là ôn lại, vì nếu không ôn tập sẽ quên, và do vậy, không thể tiến bộ. (Callan, 2012, p.5)

Khi dạy tiếng Việt, các quy tắc này có thể được vận dụng triệt để. Tuy nhiên, điều cần chú ý là quy tắc không nên dịch sang tiếng mẹ đẻ có thể được điều chỉnh bằng việc hạn chế sử dụng ngôn ngữ trung gian (thường là tiếng Anh) để đảm bảo cho học viên tiếp xúc nhiều hơn với tiếng Việt. Trong một lớp học đa quốc tịch, việc hạn chế ngôn ngữ trung gian có thể giúp tránh những sai lệch ngữ nghĩa có thể nảy sinh do chuyển ngữ không hoàn toàn tương đồng (sự khác biệt này ở mỗi ngôn ngữ là khác nhau và giáo viên không thể tiên đoán hết được), hoặc việc đòi hỏi học viên phải biết ngôn ngữ trung gian nhiều khi làm họ cảm thấy khó khăn hơn. Song đôi khi sự diễn đạt quá dài dòng bằng ngôn ngữ đích cũng phản tác dụng. Vì vậy, tốt hơn hết là sử dụng ngôn ngữ trung gian chừng mực, khi thực sự cần thiết để tiết kiệm thời gian diễn giải, và có lựa chọn kĩ càng những từ phổ biến, thông dụng.

2.2.2. Yếu tố tạo phản xạ cho người học trong phương pháp Callan

Về cơ bản, việc dạy từ vựng bằng phương pháp Callan cũng có nét tương tự so với các phương pháp dạy từ vựng khác ở chỗ là dùng vật thể, hình ảnh hay động tác minh họa cho nghĩa của từ vựng mới, hoặc định nghĩa từ qua đặt câu, hay giáo viên phát âm cho học viên nghe và lặp lại, đặt câu sử dụng từ vựng mới học.

Tuy nhiên, điểm khác biệt về dạy theo phương pháp Callan là yếu tố tạo phản xạ nghe, nói thông qua các thủ pháp:

- Học bằng cách lặp đi lặp lại: Lặp lại nhiều lần để tô đậm vào tâm trí và gia tăng cơ hội bắt chước nói được nhiều hơn. Chủ yếu lặp lại từ, lặp lại câu theo giáo viên và ngay cả khi trả lời câu hỏi thì người học cũng lặp lại câu rồi mới thêm ý cần trả lời.
- Dạy một số lượng từ hạn chế để học viên ghi nhớ được ngay.
- Hỏi nhiều câu hỏi Có/Không để học viên thực tập được nhiều.
- Lặp lại câu hỏi hai lần đảm bảo cho người nghe theo kịp ý.
- “Gợi mở” vài từ mở đầu cho học viên có đà trả lời nhanh.
- Có sự chỉnh sửa liên tục và ngay tức khắc. Điều làm cho phương pháp Callan khác với các phương pháp tiếng Anh khác là nó đòi hỏi sự chỉnh sửa liên tục và ngay lập tức. Trong một bài học theo phương pháp Callan, giáo viên sẽ sửa lỗi phát âm và ngữ pháp của bạn, nhưng không phải theo cách thông thường. Việc sửa âm tuân theo một quy trình có hệ thống bao gồm lặp lại lỗi của bạn trước và sau đó đưa ra câu trả lời hoàn chỉnh cho bạn. *Quy trình sửa lỗi phát âm như sau, “NOT loom ... ROOM”, “NOT resson... LESSON”...*
- Hỏi-đáp với tốc độ cao để tránh dịch nhằm đảm bảo học ngoại ngữ với tốc độ tự nhiên. Đây cũng là điểm nhấn cơ bản của phương pháp Callan là không cho phép dịch các câu hỏi sang ngôn ngữ của bạn.

- Sẵn sàng mọi giải thích, ví dụ để giáo viên tiến hành nhanh, chủ động.
- Luôn kết hợp vừa nói vừa diễn đạt bằng động tác giúp gợi nhớ nghĩa.
- Cùng trả lời với học viên để họ an tâm và theo kịp tiến độ.
- Không nói chuyện tự do: Phương pháp này khuyến khích bạn nói mọi lúc, ngay cả khi làm các bài tập đọc hiểu và ngữ pháp từ một cuốn sách. Trong bài học theo Phương pháp Callan, bạn không được nói về những chủ đề không liên quan đến lớp học, vì điều này sẽ làm mất đi mục đích của bài học.

Chính sự sẵn sàng về mọi thứ trong giáo trình, giáo án, tốc độ dạy khá cao, liên tục và tập trung này khiến học viên bị cuốn theo, không có thời gian dịch sang tiếng mẹ đẻ nên bật ra được thành phản xạ nói.

2.3. Tổ chức giảng dạy phương pháp Callan trong lớp học tiếng Việt

2.3.1. Tổ chức lớp

Lớp học nên có sĩ số ít, dao động lí tưởng từ 5-7 học viên (tối đa có thể là 20 học viên), phòng học nhỏ để học viên nghe rõ, giáo viên không cần dùng micro mà sử dụng giọng tự nhiên để giao tiếp tự nhiên.

Lịch học nên bố trí đều đặn trong tuần. Hiệu quả nhất là học liên tục các ngày trong tuần (từ thứ 2-thứ 6) để củng cố phản xạ, thích hợp cho các đối tượng học cấp tốc, các khoá đào tạo ngắn hạn cho học viên muốn nói tiếng Việt trong thời gian ngắn. Bố trí lịch học linh động theo nhu cầu học viên, cho người bận rộn.

Để tránh bị mất bài, không hiểu bài ảnh hưởng đến sự tiếp thu và phản xạ, học viên có thể được xếp học bù bài, dời buổi, hoãn bài khi cần, có đăng kí lịch kèm riêng cho học viên yếu.

2.3.2. Kiểm tra đánh giá

Chủ yếu kiểm tra vấn đáp trực tiếp với giáo viên để đánh giá khả năng nói phản xạ, phối hợp kiểm tra trên giấy để kiểm tra từ vựng. Ngoài ra, học viên còn phải thu âm giọng nói của mình bằng một bài tự chọn trong giáo trình và nộp lại cho giáo viên khi kiểm tra cuối kì để đánh giá về phát âm.

2.3.3. Giáo trình và giáo viên

Giáo viên có thể tự biên soạn những từ vựng mới, điểm ngữ pháp mới với các lời giải thích và ví dụ minh họa trong giáo án của riêng mình và tiến hành dạy theo phương pháp Callan hoặc từ nội dung từ vựng, ngữ pháp của giáo trình đang dạy, giáo viên thiết kế lời giải thích và ví dụ để tiến hành dạy theo Callan.

Đúng giờ: Giáo viên phải luôn đúng giờ và khi vào lớp thường chỉ có mang theo giáo trình, trong một tư thế nhẹ nhàng, sẵn sàng và chuyên nghiệp.

Tốc độ nói: Dù cần nói ở tốc độ nhanh, nhưng những bài đầu tiên giáo viên nên đi với tốc độ bình thường, tự nhiên. Sau đó tiến hành nhanh hơn chút nữa, cứ như thế cho đến khi cảm thấy học viên đã quen hoặc thuộc thì mới tiến hành nhanh hơn.

Hỗ trợ trả lời và sửa lỗi: Khi vừa kết thúc câu hỏi thì giáo viên nhanh chóng gọi mở những từ đầu tiên trong câu trả lời để học viên dễ dàng hỏi đáp. Đối với học viên chậm hơn, giáo viên có thể trả lời cùng với học viên. Ngay khi hỏi và trả lời xong thì giáo viên chuyển qua câu hỏi kế tiếp, để không làm đứt mạch chuỗi đàm thoại.

Việc sửa lỗi diễn ra nhẹ nhàng, nhanh chóng, cho thấy lỗi sai rồi mới sửa bằng cách nói “không phải (từ sai), (từ đúng)” (ví dụ, không phải “sang”, “sáng”). Giáo viên đảm bảo cho mọi học viên có cơ hội nói như nhau.

Ôn tập: Phản xạ có thể chậm hơn hoặc mất đi nếu không được củng cố đều đặn. Do đó giáo viên phải dành một khoảng thời gian hợp lí ôn tập đều đặn trong mỗi buổi (tốt nhất là đầu buổi học) theo nội dung các bài ôn tập trong giáo trình.

Thuộc bài: Giáo viên phải chuẩn bị bài trước khi lên lớp để luôn trong tư thế chủ động, tự tin, kiểm soát được phản xạ của lớp.

Năng động và thay đổi: Giáo viên không nên ngồi mà nên hoạt động để điều khiển và kiểm soát lớp được, chỉ ngồi khi học viên tập đọc hay viết chính tả. Giáo viên uyển chuyển, linh hoạt trong động tác. Ánh mắt, cử chỉ và toàn bộ cơ thể của giáo viên đều như biết nói. Không khí học tập trung nhưng thân thiện, vui vẻ, thoải mái và kích thích học là điều mà giáo viên nên làm vì học viên nào cũng mong đợi điều đó.

Do sự lặp lại (trong từng bài, trong bài ôn) có thể gây tình trạng sáo mòn nên giáo viên cần thay đổi theo ngày trong một tuần, đa dạng theo giới tính, giọng điệu, phong cách khác nhau để luôn tạo bất ngờ, mới mẻ, thú vị cho người học.

Tận dụng công nghệ nghe - nhìn đa phương tiện trong việc giảng dạy tiếng Việt bằng phương pháp Callan để gia tăng hiệu ứng trực quan sinh động hình thành phản xạ đối với người học.

2.4. Ưu điểm, hạn chế và đề xuất khắc phục

2.4.1. Ưu điểm

Từ lí thuyết và thực tiễn giảng dạy ngoại ngữ theo phương pháp Callan và từ ý kiến của người dạy, có thể nhận định phương pháp Callan có một số ưu điểm trong việc dạy tiếng Việt như sau:

Phương pháp Callan tận dụng học bằng cách lặp đi lặp lại để gia tăng tần suất nghe và nói cho người học, tiến dần tới hình thành kết nối kích thích – đáp trả tức thời, nhanh chóng và tự động.

Tập trung nhiều vào học từ mới và cấu trúc ngữ pháp. Bên cạnh việc lặp lại, phương pháp Callan giúp học viên học từ mới và cấu trúc ngữ pháp một cách tốt nhất.

Phương pháp Callan làm quá trình dạy và học tiếng Việt trở nên năng động, người dạy luôn tương tác với người học, dẫn dắt người học nói từng bước một; người học không ngồi thụ động mà luôn hoạt động, nói, lặp lại liên tục, tạo thành phản xạ nói tự nhiên, tự tin, chính xác.

Học qua lời nói, nhất là từ giáo viên bản ngữ, học viên học được cả ngữ điệu, giọng điệu và phong cách trong lời nói đó, nghĩa là “cảm” được “cái hồn” của ngôn ngữ.

Sự lặp lại và ôn tập đều đặn những kiến thức đã học giúp học viên luôn nhớ bài, dễ dàng trong tiếp thu bài mới, gia tăng tích lũy kiến thức về ngoại ngữ mình đang học theo chiều rộng lẫn chiều sâu, góp phần nâng cao năng lực giao tiếp ngoại ngữ một cách nhanh chóng, phản xạ.

Lỗi luôn được sửa trực tiếp, kết quả là từng cá nhân học viên phát âm chuẩn, nói đúng ngữ điệu. Không có trường hợp người học rơi vào tình huống bị động, lúng túng không thể trả lời vì giáo viên luôn sẵn sàng trợ giúp.

Không có bài tập về nhà, vì phương pháp Callan tranh thủ và cố gắng phát huy hiệu quả tối đa thời gian trên lớp, nên người học không cần tốn thêm thời gian ở nhà, như vậy sẽ hữu ích cho những người bận rộn.

Phương pháp Callan có thể được ứng dụng để dạy tiếng Việt ở mọi cấp độ, từ cấp độ thấp đến cấp độ cao; phù hợp cho mọi đối tượng người học, nhất là những người bận rộn cần nói được tiếng Việt nhanh chóng.

Phương pháp Callan có thể không mất nhiều thời gian để đào tạo, huấn luyện giáo viên giảng dạy. Chỉ cần một khóa huấn luyện ngắn thì giáo viên có thể sử dụng được phương pháp này.

2.4.2. Hạn chế

Bên cạnh ưu điểm, phương pháp Callan cũng có những hạn chế nhất định, cụ thể là:

Giáo trình dạy theo phương pháp Callan thường thiếu hình ảnh minh họa nên thiếu sự sống động và bắt mắt.

Người dạy bằng phương pháp Callan có thể sẽ cảm thấy gò bó vì phải tuân thủ đúng phương pháp, trong khi đó người học hầu như không có cơ hội được trao đổi qua lại tự do với nhau, dẫn đến việc thiếu giao tiếp với nhau trong lớp học. Hỏi – đáp chỉ xảy ra một chiều chứ không phải hai chiều (giáo viên hỏi, học viên trả lời) nên học viên hầu như không có cơ hội thực tập đặt câu hỏi và làm việc theo cặp, theo nhóm.

Động tác phải được làm thuần thục từ những bài đầu tiên và dần tiến tới một phản xạ giao tiếp bằng điệu bộ, cử chỉ của giáo viên dạy tiếng Việt theo phương pháp Callan nên giáo viên mới có thể cảm thấy chưa quen trong thời gian đầu.

2.4.3. Hướng khắc phục

Đề xuất khắc phục hạn chế của phương pháp Callan

Kết hợp tranh ảnh minh họa trong giáo trình cho học viên học tiếng Việt theo phương pháp Callan để trang sách trở nên sống động, ấn tượng và “biết nói” hơn (tức là học viên có thể nhìn hình và có thể đoán nghĩa).

Để tránh giao tiếp đơn điệu một chiều theo hướng giáo viên hỏi và học viên trả lời, cần đa dạng hóa đóng vai (role play), tức là có thể đảo lại là giáo viên gợi mở từ hỏi cho học viên hỏi mình, hoặc một cá nhân hỏi cho cả lớp trả lời, và ngược lại. Đa dạng hóa vai trò hỏi – đáp giúp lớp học sinh động, linh hoạt. Đồng thời vào cuối buổi học có thể cho học viên giao tiếp với nhau tự do theo những chủ đề, hay câu hỏi vừa học để tạo cơ hội thực tập nói theo ý thích, theo nhu cầu cá nhân của học viên cũng như biết cách duy trì một cuộc hội thoại. Điều này tạo ra hoạt động thực hành có ý nghĩa sau những lần thực hành máy móc và cơ chế theo phương pháp Callan.

Giáo viên bắt buộc phải hoàn tất đầy đủ nội dung phần từ vựng của ngày hôm ấy, không được dờ dang, để buổi học kế tiếp, giáo viên khác có thể tiếp tục phần bài học của mình, đảm bảo kiến thức liên tục, không gián đoạn. Ngoài ra, sự hài hước, hóm hỉnh đóng góp vào không khí sôi nổi của buổi học cũng góp phần không nhỏ cho thành công của một giáo viên dạy tiếng Việt bằng Phương pháp Callan.

Đề xuất triển khai áp dụng phương pháp Callan trong dạy tiếng Việt

Phương pháp Callan trong dạy tiếng Việt chưa được phổ biến rộng rãi, vì vậy ở buổi học đầu tiên, giáo viên cần giới thiệu về phương pháp Callan, hướng dẫn cách thức học tập tiếng Việt bằng phương pháp này, cũng như trình bày rõ mục tiêu và kết quả mà nó có thể mang lại.

Trong phương pháp Callan, yếu tố lặp lại theo giáo viên là thường xuyên, vì phương pháp này không sử dụng băng nghe trên lớp, học viên hoàn toàn nghe và lặp lại theo giáo viên nên có thể gây nên tình trạng sáo mòn và đơn điệu về phong cách, về giọng nói. Vì vậy, cần thay đổi giáo viên để tạo sự đa dạng, phong phú trong cách truyền tải và giúp học viên làm quen với nhiều giọng nam, nữ và phong cách khác nhau.

Tận dụng công nghệ nghe – nhìn đa phương tiện trong việc giảng dạy tiếng Việt bằng phương pháp Callan để gia tăng hiệu ứng trực quan hình thành phản xạ đối với người học.

3. Kết luận

Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập, âm tiết tính, từ vựng đóng vai trò quan trọng trong truyền tải nghĩa từ vựng và ngữ pháp. Thanh điệu tiếng Việt như những nốt nhạc tạo ra những từ ngữ khác nghĩa nhau gây không ít khó khăn cho người nước ngoài học tiếng Việt. Phương pháp Callan tập trung nhiều vào từ vựng, ngữ pháp qua hỏi đáp phản xạ có thể hữu ích cho người học tiếng Việt, nhất là ở trình độ sơ và trung cấp, kích thích phản xạ và tạo điều kiện cho sự phát triển lên trình độ cao hơn.

Phương pháp này có thể mở rộng để dạy kỹ năng nói thông qua các hoạt động giao tiếp, trước khi cho học viên thực hành giao tiếp tự do; dạy phản xạ nói những đoạn trong các bài hội thoại; dạy kỹ năng nghe (có sử dụng file nghe) bằng việc hỏi - đáp nhanh liên quan đến nội dung nghe; dạy phản xạ cung cấp ý tưởng, chất liệu nội dung cho kỹ năng viết theo chủ đề. Hơn nữa, phương pháp Callan có thể tích hợp với các phương pháp khác, như với phương pháp Giao tiếp, để đáp ứng mọi khía cạnh giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài về mặt từ vựng, ngữ pháp cũng như các kỹ năng nghe-nói-đọc-viết, hoặc ứng dụng để dạy một ngoại ngữ khác một cách phản xạ.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Callan, R. (2012). *Callan Student's books 1-12*. Callan Publishing Ltd.
- Callan, R. (2018). *The Callan Method for reference*. Retrieved on August 16, 2018 from <https://www.callan.co.uk>
- Cole, R. (1931). *Modern foreign languages and their teaching*. New York: Appleton-Century-Crofts.
- Datla, M. A. (2012). The stalwarts: Ivan Petrovich Pavlov. *AP Journal Psychology Medicine*, 13(2), 125-128.
- Hrehovcik, T. (2003). The Callan Method or "English in a quarter of the time". *Brno Studies in English* 29 (1), 109-116.
- Richards, J. C., & Rodgers, T. S. (2001). *Approaches and methods in language teaching*. Cambridge University Press.
- Skinner, B. F. (1984). *Verbal behavior*. Harvard University Press.
- Titone, R. (1968). *Teaching Foreign Languages: an historical sketch*. Georgetown: Georgetown University Press.
- Webster's New World College Dictionary*. Macmillan USA.
- Woody, C. D. (1989). *Reflex learning*. In: Learning and Memory. Readings from the Encyclopedia of Neuroscience. Birkhauser, Boston, MA.

**EXPLOITING THE REFLEX ELEMENTS IN CALLAN METHOD
TO TEACH VIETNAMESE TO FOREIGN LEARNERS**

Vo Chau Loan

Saigon University, Vietnam

Corresponding author: Vo Chau Loan – Email: vcloan@sgu.edu.vn

Received: March 15, 2022; Revised: April 24, 2022; Accepted: May 30, 2022

ABSTRACT

The Callan Method of Robin Callan, introduced in 1960, has been used to teach English and Spanish in England and some other countries around the world. In Vietnam, the method has also been used to teach English and Japanese under the name the Reflex Method, the Callan Reflex Method, which attracts a significant number of learners to attend. The paper researches the theory of the Callan Method, which comes from the Direct Method, the classroom techniques of the Berlitz Method, and B.F.Skinner's behavioral psychology element in the Audiolingualism, features, and teaching procedures, factors shaping the reflex to learners, and solutions to teaching Vietnamese with the Callan Method.

Keywords: reflex; the Callan Method; Vietnamese language